

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 2016  
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016**



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 2016  
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kết quả soát xét	3
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (Mẫu số B 01a - DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (Mẫu số B 02a - DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (Mẫu số B 03a - DN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (Mẫu số B 09a - DN)	9

11  
11  
11

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

### THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

#### Giấy Chứng nhận

**Đăng ký Doanh nghiệp** Số 5700100231 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 1 tháng 4 năm 2008. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp được sửa đổi lần gần nhất vào ngày 22 tháng 8 năm 2014.

*Tại ngày ký các báo cáo tài chính giữa niên độ này:*

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Phạm Ngọc Tuấn	Chủ tịch
	Ông Bùi Quang Đạo	Thành viên
	Ông Nguyễn Quốc Hưng	Thành viên
	Ông Nguyễn Văn Mạnh	Thành viên
	Ông Đỗ Ngọc Khanh	Thành viên
<b>Ban Kiểm soát</b>	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2016)
	Ông Nguyễn Anh Dũng	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2016)
	Ông Phùng Xuân Dũng	Thành viên
	Bà Phạm Thị Tâm	Thành viên
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Bùi Quang Đạo	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Quốc Hưng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Đinh Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Hoàng Trọng Tùng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Quách Đình Phú	Phó Tổng Giám đốc
<b>Người đại diện theo pháp luật</b>	Ông Bùi Quang Đạo	Tổng Giám đốc
<b>Trụ sở chính</b>	Số 1, Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	
<b>Kiểm toán viên</b>	Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam	

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh ("Công ty") chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính giữa niên độ thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở soạn lập các báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

### PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm từ trang 5 đến trang 34. Các báo cáo tài chính giữa niên độ này thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Bùi Quang Đạo  
Tổng Giám đốc

Quảng Ninh, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 15 tháng 8 năm 2016

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh (“Công ty”) được lập ngày 30 tháng 6 năm 2016 và được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt ngày 15 tháng 8 năm 2016. Báo cáo tài chính giữa niên độ này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 34.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng Dịch vụ Soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi nhận thấy không có sự kiện nào đáng lưu ý để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra kết luận ngoại trừ, chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh số 2.15 của báo cáo tài chính giữa niên độ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty không ghi nhận dự phòng trợ cấp thôi việc cho người lao động do áp dụng Thông tư số 180/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012. Việc áp dụng Thông tư này dẫn đến sự khác biệt với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 - Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 do kiểm toán viên khác soát xét và đã phát hành kết luận chấp thuận toàn phần vào ngày 9 tháng 8 năm 2015. Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 do kiểm toán viên khác kiểm toán và đã phát hành ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần vào ngày 2 tháng 3 năm 2016.

### Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam



Trần Hồng Kiên  
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0298-2013-006-1  
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo: HAN 1603  
Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2016

Như đã nêu trong Thuyết minh 2.1 cho các báo cáo tài chính giữa niên độ, các báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo là không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH**

Mẫu số B 01a - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.6.2016 VNĐ	31.12.2015 VNĐ
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>94.287.733.852</b>	<b>159.325.612.349</b>
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	8.745.604.005	70.440.509.206
111	Tiền		8.745.604.005	35.440.509.206
112	Các khoản tương đương tiền		-	35.000.000.000
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>34.376.988.962</b>	<b>36.399.027.082</b>
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	39.409.910.196	35.757.551.809
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	4.461.262.154	10.471.544.137
136	Phải thu ngắn hạn khác		1.755.238.430	1.419.352.954
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	4	(11.249.421.818)	(11.249.421.818)
<b>140</b>	<b>Hàng tồn kho</b>		<b>50.874.294.448</b>	<b>50.496.931.836</b>
141	Hàng tồn kho	6	50.874.294.448	50.496.931.836
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>290.846.437</b>	<b>1.989.144.225</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		144.999.998	-
152	Thuế GTGT được khấu trừ		-	1.970.896.225
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		145.846.439	18.248.000
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>523.619.594.533</b>	<b>481.209.015.914</b>
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>316.158.806.413</b>	<b>334.513.882.113</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	7(a)	313.903.816.581	331.996.496.453
222	Nguyên giá		611.319.040.694	611.094.629.149
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(297.415.224.113)	(279.098.132.696)
227	Tài sản cố định vô hình	7(b)	2.254.989.832	2.517.385.660
228	Nguyên giá		4.050.000.000	4.050.000.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.795.010.168)	(1.532.614.340)
<b>240</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>34.475.487.922</b>	<b>21.619.025.922</b>
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8	34.475.487.922	21.619.025.922
<b>250</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	9	<b>167.306.733.166</b>	<b>120.388.295.166</b>
252	Đầu tư vào công ty liên kết		2.207.213.772	2.207.213.772
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		191.650.119.394	144.731.681.394
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(26.550.600.000)	(26.550.600.000)
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>5.678.567.032</b>	<b>4.687.812.713</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn	10	5.678.567.032	4.687.812.713
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>617.907.328.385</b>	<b>640.534.628.263</b>

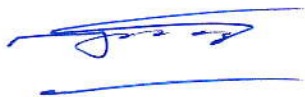
Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 34 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này.

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.6.2016 VNĐ	31.12.2015 VNĐ
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>85.607.215.146</b>	<b>101.191.211.753</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>81.757.683.155</b>	<b>101.191.211.753</b>
311	Phải trả người bán ngắn hạn	11	13.669.029.950	19.440.523.578
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12	7.902.966.854	19.946.554.255
313	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	13	2.163.065.476	7.683.353.643
314	Phải trả người lao động		37.656.098.578	43.573.724.761
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	14	2.000.000.000	-
319	Phải trả ngắn hạn khác	15	14.189.207.251	9.436.243.455
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16	4.177.315.046	1.110.812.061
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>3.849.531.991</b>	<b>-</b>
341	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	17	3.849.531.991	-
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>532.300.113.239</b>	<b>539.343.416.510</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>532.300.113.239</b>	<b>539.343.416.510</b>
411	Vốn góp của chủ sở hữu	18,19	500.499.360.000	500.499.360.000
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	19	31.800.753.239	38.844.056.510
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		-	-
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		31.800.753.239	38.844.056.510
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>617.907.328.385</b>	<b>640.534.628.263</b>



Nguyễn Thị Quỳnh  
Người lập



Lê Trung Dũng  
Kế toán trưởng



Bùi Quang Đạo  
Tổng Giám đốc  
Ngày 15 tháng 8 năm 2016



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	Thuyết minh	Cho giai đoạn	
		Từ 1.1.2016 đến 30.6.2016 VNĐ	Từ 1.1.2015 đến 30.6.2015 VNĐ
01	Doanh thu cung cấp dịch vụ	186.727.258.712	185.458.436.721
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
10	Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	186.727.258.712	185.458.436.721
11	Giá vốn hàng bán	(125.921.803.276)	(136.538.695.222)
20	Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	60.805.455.436	48.919.741.499
21	Doanh thu hoạt động tài chính	615.696.839	140.236.114
22	Chi phí tài chính	(142.938.760)	(400.334.568)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	-	(346.030.001)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(21.731.104.806)	(20.730.673.569)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	39.547.108.709	27.928.969.476
31	Thu nhập khác	239.214.228	281.078.182
32	Chi phí khác	(31.772.561)	-
40	Lợi nhuận khác	207.441.667	281.078.182
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	39.754.550.376	28.210.047.658
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(4.104.265.146)	(1.652.680.961)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(3.849.531.991)	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	31.800.753.239	26.557.366.697
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	21	531

Nguyễn Thị Quỳnh  
Người lập

Lê Trung Dũng  
Kế toán trưởng



Bùi Quang Đạo  
Tổng Giám đốc  
Ngày 15 tháng 8 năm 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH**

Mẫu số B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Từ 1.1.2016 đến 30.6.2016 VNĐ	Từ 1.1.2015 đến 30.6.2015 VNĐ
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
01	Tiền thu từ cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	186.203.340.491	194.846.242.661
02	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(50.504.796.314)	(49.477.105.486)
03	Tiền chi trả cho người lao động	(54.846.417.018)	(58.194.209.495)
04	Tiền lãi vay đã trả	-	(346.030.001)
05	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(10.135.147.438)	(2.563.357.855)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	2.141.587.298	855.081.509
07	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(47.982.530.688)	(50.479.923.439)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>24.876.036.331</b>	<b>34.640.697.894</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(9.814.704.090)	(5.790.259.601)
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(46.918.438.000)	-
27	Tiền thu lãi cho vay	566.011.308	32.262.236
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(56.167.130.782)</b>	<b>(5.757.997.365)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
33	Tiền thu từ đi vay	-	7.050.000.000
34	Tiền trả nợ gốc vay	-	(13.050.000.000)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	(30.403.810.750)	(4.366.246.306)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>(30.403.810.750)</b>	<b>(10.366.246.306)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>(61.694.905.201)</b>	<b>18.516.454.223</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	3 70.440.509.206	11.121.670.616
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>3 8.745.604.005</b>	<b>29.638.124.839</b>

Nguyễn Thị Quỳnh  
Người lập

Lê Trung Dũng  
Kế toán trưởng



Bùi Quang Đạo  
Tổng Giám đốc  
Ngày 15 tháng 8 năm 2016

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Mẫu số B 09a- DN

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 2016 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016

#### 1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh có mã số doanh nghiệp 5700100231 tiền thân là Công ty TNHH một thành viên Cảng Quảng Ninh được chuyển thành công ty cổ phần vào ngày 22 tháng 8 năm 2014 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, Công ty Cổ phần đăng ký lần đầu ngày 1 tháng 4 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần 2 ngày 22 tháng 8 năm 2014.

Tổng số cổ phần của Công ty là 50.049.936 cổ phần với mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phần.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Bốc xếp hàng hóa: xếp dỡ, bảo quản hàng hóa; chuyển tải hàng hóa tại khu vực cảng (không bao gồm ngành bốc xếp hàng hóa cảng hàng không);
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết: đại lý bán lẻ xăng dầu);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa: kinh doanh dịch vụ kho bãi (trừ kinh doanh bất động sản);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy: dịch vụ hàng hải;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: giao nhận hàng hóa; kinh doanh dịch vụ logistic (không bao gồm hoạt động dịch vụ hỗ trợ cho vận tải hàng không);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty bao gồm:

- Xí nghiệp xếp dỡ Cái Lân;
- Xí nghiệp cơ giới Hạ Long (tên trước đây là Xí nghiệp xếp dỡ Hạ Long);
- Xí nghiệp sửa chữa và vận tải (tên trước đây là Xí nghiệp sửa chữa cơ khí và vận tải thủy bộ);
- Xí nghiệp giao nhận và kho bãi (tên trước đây là Xí nghiệp giao nhận kinh doanh kho bãi); và
- Trung tâm điều độ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có 850 nhân viên (31 tháng 12 năm 2015: 874 nhân viên).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 2016 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**2.1 Cơ sở của việc lập các báo cáo tài chính giữa niên độ**

Các báo cáo tài chính giữa niên độ đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

**2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ là Đồng Việt Nam ("VND").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**2.4 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

**2.5 Khoản phải thu khách hàng**

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

11/1/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 2016 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.6 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

**2.7 Đầu tư**

**(a) Đầu tư vào các công ty liên kết**

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

**(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Công ty nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty đã dự đoán từ khi đầu tư.

**2.8 Tài sản cố định**

*Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

*Khấu hao và hao mòn*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	4,0% - 20,0%
Máy móc, thiết bị	5,0% - 33,3%
Phương tiện vận tải	3,3% - 16,7%
Thiết bị quản lý	10,0% - 33,3%
Phần mềm	10,0% - 33,3%



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 2016 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.13 Chi phí phải trả**

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

**2.14 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

**2.15 Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty được hưởng khoản trợ cấp thôi việc căn cứ vào số năm làm việc tại Công ty. Khoản trợ cấp này được trả một lần khi người lao động thôi làm việc cho Công ty. Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty phải nộp tiền vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Cơ quan Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Do thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải thanh toán trợ cấp thôi việc cho số năm làm việc của người lao động từ ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, số dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 được xác định căn cứ vào số năm làm việc của người lao động tại Công ty tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và dựa trên mức lương trung bình của họ trong giai đoạn 6 tháng trước ngày lập bảng cân đối kế toán này.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty không ghi nhận dự phòng trợ cấp thôi việc cho người lao động do áp dụng Thông tư số 180/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012. Việc áp dụng Thông tư này dẫn đến sự khác biệt với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 - Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng. Nếu Công ty áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18, khoản dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 cần phải lập là 9.625.961.438 Đồng Việt Nam (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 9.779.390.125 Đồng Việt Nam), tài sản thuế thu nhập hoãn lại tại ngày này sẽ tăng thêm là 1.925.192.288 Đồng Việt Nam (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 1.955.878.025 Đồng Việt Nam), lợi nhuận kế toán chưa phân phối lũy kế đầu kỳ tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 sẽ giảm đi là 7.823.512.100 Đồng Việt Nam. Chi phí trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 sẽ giảm đi 153.428.687 Đồng Việt Nam và lợi nhuận sau thuế trong kỳ của Công ty sẽ tăng thêm 122.742.950 Đồng Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 2016 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.16 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập Công ty tại thời điểm báo cáo.

**2.17 Phân chia lợi nhuận thuần**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông.

**2.18 Ghi nhận doanh thu**

**(a) Doanh thu dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp.

**(b) Thu nhập lãi**

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

**(c) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

**2.19 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại và giảm giá dịch vụ. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ cung cấp dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với dịch vụ cung cấp trong kỳ, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

**2.20 Giá vốn cung cấp dịch vụ**

Giá vốn cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 2016 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.21 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí góp vốn liên kết, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

**2.22 Chi phí bán hàng**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, chủ yếu là chi phí cho hoạt động quảng cáo và quan hệ công chúng.

**2.23 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác

**2.24 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 2016 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.25 Chia cổ tức**

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

**2.26 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.27 Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

**3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30.6.2016 VNĐ	31.12.2015 VNĐ
Tiền mặt	1.114.922.940	985.362.031
Tiền gửi ngân hàng	7.630.681.065	34.455.147.175
Các khoản tương đương tiền (*)	-	35.000.000.000
	8.745.604.005	70.440.509.206

(\*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 5,2%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Mẫu số B 09a- DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 2016 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016

4 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30.6.2016 VNĐ	31.12.2015 VNĐ
Bên thứ ba	37.101.353.147	35.757.551.809
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	2.308.557.049	-
	<u>39.409.910.196</u>	<u>35.757.551.809</u>

17/11/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 2016 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016

## 4 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG (TIẾP THEO)

Chi tiết khách hàng chiếm từ 10% trở lên trong tổng phải thu khách hàng hoặc dự phòng phải thu khó đòi:

	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016			Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015		
	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá trị có thể thu hồi được VNĐ	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá trị có thể thu hồi được VNĐ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam - Đại lý Hàng Hải Quảng Ninh (VOSA Quảng Ninh)	12.078.156.227	-	12.078.156.227	311.512.143	-	311.512.143
Công ty Cổ phần Tập đoàn Quang Minh	5.857.032.614	(5.857.032.614)	-	5.857.032.614	(5.857.032.614)	-
Công ty TNHH Bunge Agribusiness Singapore PTE	3.514.383.943	-	3.514.383.943	3.703.195.299	-	3.703.195.299
Công ty Cổ phần Hóa chất Công nghiệp Tân Long	70.339.500	-	70.339.500	4.170.175.949	-	4.170.175.949
Công ty Cổ phần Công Nghiệp Nặng Cửu Long	2.800.424.000	(1.960.296.800)	840.127.200	2.800.424.000	(1.960.296.800)	840.127.200
Công ty Cổ phần Dầu tư Cửu Long Vinashin	1.716.847.009	(1.226.466.349)	490.380.660	1.716.847.009	(1.226.466.349)	490.380.660
Các khoản phải thu khách hàng khác	13.372.726.903	(2.205.626.055)	11.167.100.848	17.198.364.795	(2.205.626.055)	14.992.738.740
	<u>39.409.910.196</u>	<u>(11.249.421.818)</u>	<u>28.160.488.378</u>	<u>35.757.551.809</u>	<u>(11.249.421.818)</u>	<u>24.508.129.991</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG QUẢNG NINH**

Mẫu số B 09a - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 2016 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016**

**5 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<b>30.6.2016</b>	<b>31.12.2015</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Bên thứ ba	2.461.262.154	10.471.544.137
<i>Trong đó:</i>		
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng</i>		
<i>Công trình Hàng hải</i>	492.071.635	492.071.635
<i>Công ty TNHH Tân Quang Minh</i>	620.882.140	620.882.140
<i>Công ty TNHH một thành viên Hướng Tâm</i>	-	6.843.480.000
<i>Công ty khác</i>	1.348.308.379	2.515.110.362
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	2.000.000.000	-
	<u>4.461.262.154</u>	<u>10.471.544.137</u>

**6 HÀNG TỒN KHO**

	<b>30.6.2016</b>	<b>31.12.2015</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Nguyên vật liệu tồn kho	48.035.002.614	47.885.834.688
Công cụ, dụng cụ	2.839.291.834	2.611.097.148
	<u>50.874.294.448</u>	<u>50.496.931.836</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 2016 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016

## 7 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH

(a)	Tài sản có định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
	<b>Nguyên giá</b>					
	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	173.004.293.411	104.601.891.343	321.349.656.470	12.138.787.925	611.094.629.149
	Mua trong kỳ	145.454.545	-	-	78.957.000	224.411.545
	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	173.149.747.956	104.601.891.343	321.349.656.470	12.217.744.925	611.319.040.694
	<b>Khấu hao lũy kế</b>					
	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	(83.082.824.354)	(41.398.386.536)	(143.026.722.094)	(11.590.199.712)	(279.098.132.696)
	Khấu hao trong kỳ	(2.710.046.013)	(3.356.084.406)	(12.146.660.730)	(104.300.268)	(18.317.091.417)
	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	(85.792.870.367)	(44.754.470.942)	(155.173.382.824)	(11.694.499.980)	(297.415.224.113)
	<b>Giá trị còn lại</b>					
	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	89.921.469.057	63.203.504.807	178.322.934.376	548.588.213	331.996.496.453
	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	87.356.877.589	59.847.420.401	166.176.273.646	523.244.945	313.903.816.581

Nguyên giá TSCĐ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 40.407.753.790 VND (31.12.2015: 38.356.002.836 VND).  
Nguyên giá TSCĐ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 chờ thanh lý là 1.555.742.923 VND (31.12.2015: 895.238.095 VND).

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH**

Mẫu số B 09a - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 2016 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016**

**7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (TIẾP THEO)**

**(b) Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm VNĐ
<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	4.050.000.000
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>4.050.000.000</u>
<b>Khấu hao lũy kế</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	(1.532.614.340)
Khấu hao lũy kế	(262.395.828)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>(1.795.010.168)</u>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	2.517.385.660
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>2.254.989.832</u>
Nguyên giá TSCĐ vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 35.000.000 VNĐ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 35.000.000 VNĐ).	

**8 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	30.6.2016 VNĐ	31.12.2015 VNĐ
Dự án kho bãi hàng hóa đòi thượng lưu bến 1	31.941.012.224	19.084.550.224
Dự án kho 4200m <sup>2</sup> đòi trong bến 1	2.298.399.091	2.298.399.091
Dự án khác	236.076.607	236.076.607
	<u>34.475.487.922</u>	<u>21.619.025.922</u>

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ như sau:

	Từ 1.1.2016 đến 30.6.2016 VNĐ	Từ 1.1.2015 đến 30.6.2015 VNĐ
Đầu kỳ	21.619.025.922	15.115.306.285
Tăng trong kỳ	12.856.462.000	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(10.538.566.363)
Cuối kỳ	<u>34.475.487.922</u>	<u>4.576.739.922</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 2016 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016

## 9 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016			Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị sau dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị sau dự phòng VND
(a) Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết Công ty Cổ phần Vinalines Đông Bắc	2.207.213.772	(2.000.000.000)	207.213.772	2.207.213.772	(2.000.000.000)	207.213.772
(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Tổng Công ty Rau quả - Nông sản	156.918.438.000	-	156.918.438.000	110.000.000.000	-	110.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải	1.015.739.351	-	1.015.739.351	1.015.739.351	-	1.015.739.351
Công ty Cổ phần Vinalines Logistic - Việt Nam	1.105.704.043	-	1.105.704.043	1.105.704.043	-	1.105.704.043
Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân	24.550.600.000	(24.550.600.000)	-	24.550.600.000	(24.550.600.000)	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Ngõi sao Hạ Long	8.059.638.000	-	8.059.638.000	8.059.638.000	-	8.059.638.000
	191.650.119.394	(24.550.600.000)	167.099.519.394	144.731.681.394	(24.550.600.000)	120.181.081.394
<b>Tổng cộng</b>	<b>193.857.333.166</b>	<b>(26.550.600.000)</b>	<b>167.306.733.166</b>	<b>146.938.895.166</b>	<b>(26.550.600.000)</b>	<b>120.388.295.166</b>

## (c) Chi tiết các khoản đầu tư

	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016			Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015		
	Vốn điều lệ VND	Giá trị đầu tư VND	Tỷ lệ biểu quyết	Vốn điều lệ VND	Giá trị đầu tư VND	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty Cổ phần Vinalines Đông Bắc	8.500.000.000	2.207.213.772	23,53%	8.500.000.000	2.207.213.772	23,53%
Tổng Công ty Rau quả - Nông sản	713.000.000.000	156.918.438.000	12,23%	713.000.000.000	110.000.000.000	12,23%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải	11.750.000.000.000	1.015.739.351	0,01%	11.750.000.000.000	1.015.739.351	0,01%
Công ty Cổ phần Vinalines Logistic - Việt Nam	141.621.300.000	1.105.704.043	0,71%	141.621.300.000	1.105.704.043	0,71%
Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân	365.050.000.000	24.550.600.000	12,33%	365.050.000.000	24.550.600.000	12,33%
Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Ngõi sao Hạ Long	60.000.000.000	8.059.638.000	13,43%	60.000.000.000	8.059.638.000	13,43%



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Mẫu số B 09a - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 2016 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016

10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30.6.2016 VNĐ	31.12.2015 VNĐ
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	2.263.523.278	1.042.750.211
Công cụ, dụng cụ dài hạn	3.415.043.754	3.645.062.502
	<u>5.678.567.032</u>	<u>4.687.812.713</u>

Biến động chi phí trả trước dài hạn trong kỳ như sau:

	Từ 1.1.2016 đến 30.6.2016 VNĐ	Từ 1.1.2015 đến 30.6.2015 VNĐ
Số dư đầu kỳ	4.687.812.713	6.862.035.730
Tăng	3.304.027.761	4.887.484.651
Phân bổ trong kỳ	(2.313.273.442)	(5.744.012.577)
Số dư cuối kỳ	<u>5.678.567.032</u>	<u>6.005.507.804</u>

11 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30.6.2016 VNĐ	31.12.2015 VNĐ
Bên thứ ba	13.669.029.950	11.940.523.578
Trong đó:		
Đại lý Hàng hải Quảng Ninh	5.922.984.099	-
Công ty TNHH Huy Mạnh	4.974.736.239	3.167.035.664
Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Cái Lân	452.787.269	4.313.615.165
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Trường Lộc	5.602.000	2.300.881.000
Công ty khác	2.312.920.343	2.158.991.749
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	-	7.500.000.000
	<u>13.669.029.950</u>	<u>19.440.523.578</u>

12 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30.6.2016 VNĐ	31.12.2015 VNĐ
Công ty TNHH Thép Đặc biệt Shengli Việt Nam	5.381.463.282	10.660.049.525
Công ty Cổ phần OTRAN LOGISTICS Miền Bắc	365.665.036	2.219.271.902
Công ty khác	2.155.838.536	7.067.232.828
	<u>7.902.966.854</u>	<u>19.946.554.255</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH**

Mẫu số B 09a - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 2016 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016**

**13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỢ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

	<b>30.6.2016</b>	<b>31.12.2015</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Thuế GTGT	527.407.301	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành	1.635.658.175	7.666.540.467
Thuế thu nhập cá nhân	-	16.813.176
	<u>2.163.065.476</u>	<u>7.683.353.643</u>

**14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<b>30.6.2016</b>	<b>31.12.2015</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Chi phí quảng cáo – Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	<u>2.000.000.000</u>	<u>-</u>

**15 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>30.6.2016</b>	<b>31.12.2015</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Kinh phí công đoàn	163.622.256	353.935.540
Cổ tức phải trả (Thuyết minh 20)	4.614.167.525	-
Tiền thuê cơ sở hạ tầng (*)	8.238.540.851	8.360.345.134
Khác	1.172.876.619	721.962.781
	<u>14.189.207.251</u>	<u>9.436.243.455</u>

(\*) Chi phí thuê kết cấu hạ tầng cầu 5, 6, 7 tại bến Cảng Cái Lân theo hợp đồng số 01/2014/HĐT ký kết với Cục Hàng hải Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH**

Mẫu số B 09a - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 2016 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016**

**16 QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI**

	<b>30.6.2016</b> <b>VNĐ</b>	<b>31.12.2015</b> <b>VNĐ</b>
Quỹ khen thưởng phúc lợi	4.177.315.046	1.110.812.061
Biến động của quỹ khen thưởng phúc lợi trong kỳ như sau:		
	<b>Từ 1.1.2016</b> <b>đến 30.6.2016</b> <b>VNĐ</b>	<b>Từ 1.1.2015</b> <b>đến 30.6.2015</b> <b>VNĐ</b>
Số dư đầu kỳ	1.110.812.061	2.955.116.221
Trích lập quỹ từ lợi nhuận sau thuế (Thuyết minh 19) (*)	3.809.101.310	2.255.672.338
Quỹ nhận thêm từ Vinalines (**)	7.000.000	-
Sử dụng quỹ	(749.598.325)	(1.580.360.000)
Số dư cuối kỳ	4.177.315.046	3.630.428.559

(\*) Việc trích lập quỹ được căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 02/2016/NQ-ĐHCD ngày 15 tháng 4 năm 2016.

(\*\*) Tiền thưởng nhận được từ Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (Vinalines) theo Quyết định số 245/QĐ – CĐHHVN ngày 16 tháng 3 năm 2016.

**17 THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và khi thuế thu nhập hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế. Số liệu sau bù trừ như sau:

	<b>30.6.2016</b> <b>VNĐ</b>	<b>31.12.2015</b> <b>VNĐ</b>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong vòng 12 tháng	3.849.531.991	-
	<b>Từ 1.1.2016</b> <b>đến 30.6.2016</b> <b>VNĐ</b>	<b>Từ 1.1.2015</b> <b>đến 30.6.2015</b> <b>VNĐ</b>
Số dư đầu kỳ	-	-
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Thuyết minh 28)	3.849.531.991	-
Số dư cuối kỳ	3.849.531.991	-

Thuế thu nhập hoãn lại chủ yếu phát sinh do chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế tính theo lợi nhuận tính thuế trong kỳ so với số thuế thu nhập doanh nghiệp do Công ty tạm tính và nộp cho ngân sách nhà nước theo quy định thuế hiện hành.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG QUẢNG NINH**

Mẫu số B 09a - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 2016 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016**

**18 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

**(a) Số lượng cổ phiếu**

	<b>30.6.2016</b>	<b>31.12.2015</b>
	<b>Cổ phiếu phổ thông</b>	<b>Cổ phiếu phổ thông</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký	50.049.936	50.049.936
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	<u>50.049.936</u>	<u>50.049.936</u>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<u><u>50.049.936</u></u>	<u><u>50.049.936</u></u>

**(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<b>30.6.2016</b>		<b>31.12.2015</b>	
	<b>Cổ phiếu phổ thông</b>	<b>%</b>	<b>Cổ phiếu phổ thông</b>	<b>%</b>
Vốn góp của Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	49.212.432	98,33%	49.060.387	98,02%
Vốn góp của các đối tượng khác	837.504	1,67%	989.549	1,98%
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	<u>50.049.936</u>	<u>100%</u>	<u>50.049.936</u>	<u>100%</u>

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VNĐ trên một cổ phiếu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH**

Mẫu số B 09a - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 2016 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016**

**19 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu VNĐ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	500.499.360.000	6.710.116.642	507.209.476.642
Lợi nhuận trong kỳ	-	26.557.366.697	26.557.366.697
Trích vào quỹ khen thưởng phúc lợi (Thuyết minh 16)(*)	-	(2.255.672.338)	(2.255.672.338)
Chia cổ tức (*)	-	(4.366.246.306)	(4.366.246.306)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	500.499.360.000	26.645.564.695	527.144.924.695
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	500.499.360.000	38.844.056.510	539.343.416.510
Lợi nhuận trong kỳ	-	31.800.753.239	31.800.753.239
Trích vào quỹ khen thưởng phúc lợi (Thuyết minh 16)(*)	-	(3.809.101.310)	(3.809.101.310)
Chia cổ tức (*)	-	(35.034.955.200)	(35.034.955.200)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	500.499.360.000	31.800.753.239	532.300.113.239

(\*) Việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi và chia cổ tức được thực hiện theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên số 02/2016/NQ-ĐHCD ngày 15 tháng 4 năm 2016 (cùng kỳ 2015; thực hiện theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 22 tháng 4 năm 2015)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH**

Mẫu số B 09a - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 2016 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016****20 CỔ TỨC PHẢI TRẢ**

	Từ 1.1.2016 đến 30.6.2016 VNĐ	Từ 1.1.2015 đến 30.6.2015 VNĐ
Số dư đầu kỳ	-	-
Cổ tức phải trả trong kỳ	35.034.955.200	4.366.246.306
Cổ tức đã chi trả bằng tiền	(30.420.787.675)	(4.366.246.306)
	<u>4.614.167.525</u>	<u>-</u>

**21 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	Từ 1.1.2016 đến 30.6.2016	Từ 1.1.2015 đến 30.6.2015
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VNĐ)	31.800.753.239	26.557.366.697
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VNĐ) (*)	-	-
	<u>31.800.753.239</u>	<u>26.557.366.697</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	50.049.936	50.049.936
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VNĐ)	<u>635</u>	<u>531</u>

(\*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty chưa có kế hoạch điều chỉnh trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông trong kỳ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH**

Mẫu số B 09a - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 2016 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016**

**22 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**Ngoại tệ các loại**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ 56.370,55 Đô la Mỹ và 951,66 Euro (31.12.2015: 728.394,04 Đô la Mỹ và 950,38 Euro).

**23 DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 1.1.2016 đến 30.6.2016 VNĐ	Từ 1.1.2015 đến 30.6.2015 VNĐ
Phí bốc xếp	106.072.813.237	112.892.117.727
Phí cầu bến	31.693.805.647	26.857.062.355
Tiền hàng hoá qua cảng	10.222.324.854	7.605.239.478
Tiền vận chuyển hàng	10.155.253.803	12.266.957.964
Lưu kho, bãi	9.668.848.101	8.792.005.816
Các dịch vụ khác	18.914.213.070	17.045.053.381
	<u>186.727.258.712</u>	<u>185.458.436.721</u>

**24 GIÁ VỐN DỊCH VỤ ĐÃ CUNG CẤP**

	Từ 1.1.2016 đến 30.6.2016 VNĐ	Từ 1.1.2015 đến 30.6.2015 VNĐ
Chi phí nhân công	41.562.026.128	42.474.364.263
Chi phí bốc xếp, lai dắt	25.426.710.108	32.064.953.750
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng (*)	22.423.995.314	8.138.145.518
Chi phí khấu hao TSCĐ	18.254.093.183	22.331.832.928
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.796.378.463	12.680.630.497
Chi phí điện nước	3.757.709.480	4.188.145.458
Chi phí sửa chữa	3.424.570.187	8.443.415.257
Chi phí khác	3.276.320.413	6.217.207.551
	<u>125.921.803.276</u>	<u>136.538.695.222</u>

(\*) Chi phí thuê kết cấu hạ tầng cầu 5, 6, 7 tại bến Cảng Cái Lân theo hợp đồng số 01/2014/HĐT ký kết với Cục Hàng hải Việt Nam.

**25 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 1.1.2016 đến 30.6.2016 VNĐ	Từ 1.1.2015 đến 30.6.2015 VNĐ
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	566.011.308	32.262.236
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	49.685.531	107.973.878
	<u>615.696.839</u>	<u>140.236.114</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG QUẢNG NINH**

Mẫu số B 09a - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 2016 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016**

**26 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 1.1.2016 đến 30.6.2016 VNĐ	Từ 1.1.2015 đến 30.6.2015 VNĐ
Lãi tiền vay	-	346.030.001
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	142.938.760	54.304.567
	<u>142.938.760</u>	<u>400.334.568</u>

**27 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 1.1.2016 đến 30.6.2016 VNĐ	Từ 1.1.2015 đến 30.6.2015 VNĐ
Chi phí nhân công	16.212.559.294	13.767.628.917
Chi phí khấu hao tài sản cố định	325.394.062	417.326.566
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	214.523.283	264.756.195
Chi phí thuê đất	499.848.030	499.848.030
Chi phí dịch vụ mua ngoài	486.753.634	1.151.442.179
Chi phí khác	3.992.026.503	4.629.671.682
	<u>21.731.104.806</u>	<u>20.730.673.569</u>

**28 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	Từ 1.1.2016 đến 30.6.2016 VNĐ	Từ 1.1.2015 đến 30.06.2015 VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	39.754.550.376	28.210.047.658
Thuế tính ở thuế suất 20%	7.950.910.075	5.642.009.532
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	2.887.062	-
Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại	-	(3.989.328.571)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	<u>7.953.797.137</u>	<u>1.652.680.961</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	4.104.265.146	1.652.680.961
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hoãn lại (Thuyết minh 17)	3.849.531.991	-
	<u>7.953.797.137</u>	<u>1.652.680.961</u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 2016 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016**

**28 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (TIẾP THEO)**

(\*) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

**29 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 1.1.2016 đến 30.6.2016 VNĐ	Từ 1.1.2015 đến 30.6.2015 VNĐ
Chi phí nhân công	57.774.585.422	56.241.993.180
Chi phí bốc xếp lai dắt	25.426.710.108	32.064.953.750
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng	22.423.995.314	8.138.145.518
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.579.487.245	22.749.159.494
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.010.901.746	12.945.386.692
Chi phí điện nước	3.757.709.480	4.188.145.458
Chi phí sửa chữa	3.424.570.187	8.443.415.257
Chi phí khác	8.254.948.580	12.498.169.442
	147.652.908.082	157.269.368.791

**30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Công ty được kiểm soát bởi Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T ("Công ty mẹ") do chiếm 98.33% vốn điều lệ của Công ty.

**(a) Giao dịch với các bên liên quan**

Trong kỳ, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	Từ 1.1.2016 đến 30.6.2016 VNĐ	Từ 1.1.2015 đến 30.6.2015 VNĐ
<b><i>i) Doanh thu cung cấp dịch vụ</i></b>		
Công ty mẹ	13.882.519.595	-
Các công ty thành viên cùng tập đoàn	3.251.048.097	-
	17.133.567.692	-
<b><i>ii) Mua dịch vụ</i></b>		
Các công ty thành viên cùng tập đoàn	2.000.000.000	-
	2.000.000.000	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 2016 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016**

**32 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	<b>30.06.2016</b>	<b>31.12.2015</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Dưới 1 năm	19.704.371.269	18.870.000.222
Từ 1 đến 5 năm	97.988.982.781	95.166.422.359
Trên 5 năm	350.562.233.461	366.259.055.760
<b>Tổng cộng</b>	<b>468.255.587.511</b>	<b>480.295.478.341</b>

Cam kết thuê hoạt động thể hiện cam kết cho chi phí thuê kết cấu hạ tầng cầu 5, 6, 7 tại bến Cảng Cái Lân theo hợp đồng số 01/2014/HĐT ký kết với Cục Hàng hải Việt Nam.

**33 TÀI SẢN TIỀM TÀNG**

Theo phán quyết của bản án số 12/2015/DSST ngày 3 tháng 12 năm 2015 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hạ Long về vụ kiện giữa Công ty và Công ty Cổ phần Tập đoàn Quang Minh (“Công ty Quang Minh”) về việc giải quyết nghĩa vụ nợ của Công ty Quang Minh với Công ty, Công ty Quang Minh phải hoàn trả toàn bộ khoản tiền còn nợ Công ty đồng thời phải chịu thêm 506.381.220 VNĐ khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ. Tuy nhiên cho tới thời điểm 30 tháng 6 năm 2016 khoản nợ gốc vẫn chưa được thu hồi. Vì vậy Công ty không thực hiện hạch toán phải thu khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ này do Ban Tổng Giám đốc của Công ty nhận định rằng khả năng thu hồi nợ từ Công ty Quang Minh không cao. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty đã trích lập dự phòng 100% cho khoản nợ gốc đã ghi nhận từ Công ty Quang Minh (Thuyết minh 4), đồng thời tiếp tục theo dõi khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ 506.381.220 VNĐ dưới dạng tài sản tiềm tàng.

Theo phán quyết của bản án số 01/2016/DSST ngày 3 tháng 12 năm 2015 của Tòa án Nhân dân Tỉnh Quảng Ninh về vụ kiện giữa Công ty và Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm PETROLIMEX (“Bảo hiểm PJICO”) về việc giải quyết nghĩa vụ nợ của Bảo hiểm PJICO với Công ty, Bảo hiểm PJICO phải đền bù cho Công ty một khoản phí bảo hiểm trị giá 1.913.340.000 VNĐ và án phí là 34.900.000 VNĐ liên quan đến sự cố xảy ra đối với Cầu Lieherr chân đế số 3 tại cầu tàu số 5 Cảng Cái Lân – Quảng Ninh. Tuy nhiên đến ngày 30 tháng 6 năm 2016, Bảo hiểm PJICO vẫn chưa tiến hành chi trả cho Công ty. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá khả năng thu hồi bồi thường từ Bảo hiểm PJICO không cao nên đã không ghi nhận khoản phải thu bồi thường từ Bảo hiểm PJICO và tiếp tục theo dõi khoản phải thu dưới dạng tài sản tiềm tàng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH**

Mẫu số B 09a - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 2016 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016****34 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của năm nay như sau:

Mã số	Chỉ tiêu	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015		
		Theo báo cáo năm trước VND	Phân loại lại VND	Số liệu trình bày lại VND
252	Đầu tư vào công ty liên kết	-	2.207.213.772	2.207.213.772
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	146.938.895.166	(2.207.213.772)	144.731.681.394

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt ngày 15 tháng 8 năm 2016.

Nguyễn Thị Quỳnh  
Người lập

Lê Trung Dũng  
Kế toán trưởng



Bùi Quang Đạo  
Tổng Giám đốc